TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 24/2023/HSST
Ngày: 18/07/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Long.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và bà Nguyễn Thị Tuyết
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** ông Ông Lê Viết Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 06 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/ QĐXXST - HS ngày 12 tháng 06 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 29/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Ngô Văn T; Sinh ngày 30/3/2004, tại: huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Ngô Văn T1, sinh năm 1972; Con bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1974, hiện đang làm nông tại Thôn C, xã E, huyện E. Bị cáo chưa có vợ, con;

Nhân thân: bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú: có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Bà T2 đồng thời tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có mặt).

Người bào chữa: Ông Nguyễn Quốc B – Luật sư Văn Công ty luật T3 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt)

- *Bị hại*: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người làm chứng*:

+ Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Ngô Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 19 giờ ngày 06/12/2022, T một mình trèo qua hàng rào bằng gạch phía sau nhà bà Phạm Thị M ở thôn C, xã E, huyện E rồi trốn trong vườn chờ thời cơ thích hợp để vào nhà bà M lấy trộm tài sản. Đến khoảng 01 giờ ngày 07/12/2022, khi gia đình bà M đã đi ngủ, T đi vào cửa sau rồi đến vị trí bà M đang ngủ; tại đây, T lục tìm tài sản để lấy thì phát hiện trên tủ nhựa cạnh giường ngủ có 01 điện thoại di động, T lấy bỏ vào túi quần. Tiếp đến, T phát hiện bên cạnh chỗ lấy điện thoại có 01 cái túi vải thì kéo khóa túi và lấy số tiền với nhiều mệnh giá khác nhau để ở bên trong; T tìm ở ngăn bên cạnh có nhiều thẻ nạp điện thoại thì lấy bỏ hết tiền và thẻ nạp vào trong túi quần của mình. T tiếp tục tìm kiếm tài sản thì đụng trúng người bà M, lo sợ sẽ bị phát hiện nên cầm theo những tài sản vừa lấy được bỏ chạy theo đường mà T đã đi vào nhà trước đó. Số tài sản T đã trộm cắp được của bà M gồm có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng (Gold); tiền ngân hàng N2 nhiều mệnh giá khác nhau là 8.000.000đ (Tám triệu đồng); thẻ nạp Viettel gồm: 02 thẻ nạp mệnh giá 100.000đ, 12 thẻ nạp mệnh giá 20.000đ. Tổng giá trị tài sản mà T trộm cắp được là 15.940.000 đồng. Sau khi lấy được các tài sản nêu trên T đã cào và nạp hết các thẻ nạp điện thoại, tiêu xài số tiền là 2.210.000đ (Hai triệu hai trăm mười nghìn đồng) vào việc cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/2019/KL-HĐ185 ngày 06/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện E kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu gold 256GB, số máy MT612LL/A đã qua sử dụng có giá trị 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS, ngày 01/6/2023 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Ngô Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về vật chứng vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại các tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX loại 256GB, màu vàng (Gold); 01 sim điện thoại thuê bao 0396596606 và 5.790.000 đồng cho bà Phạm Thị M là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 02 Card điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng và 12 Card mệnh giá 20.000 đồng đã đem sử dụng không còn giá trị nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về phần dân sự của vụ án: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh, điều khoản, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà viện kiểm sát đề nghị truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức đầu khung hình phạt của điều luật quy định và cho bị cáo được hưởng án treo.

Phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì thêm, Tại phần nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an huyện E, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 07/12/2022, Ngô Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà Phạm Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng (Gold); tiền ngân hàng N2 nhiều mệnh giá khác nhau là 8.000.000đ (Tám triệu đồng); thẻ nạp Viettel gồm: 02 thẻ nạp mệnh giá 100.000đ, 12 thẻ nạp mệnh giá 20.000đ. Tổng giá trị tài sản mà T trộm cắp được là 15.940.000 đồng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý khẳng định hành vi của bị cáo Ngô Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì muốn có tiền để sử dụng mục đích cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản của người bị hại mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động cho gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; bị cáo là người bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình; Mặt khác bị cáo có ông bà N1 là người có công với cách mạng; Trong quá trình điều tra vụ án, người bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét trong khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, không cần cách ly bị

cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho gia đình phối hợp với chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng vụ án: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX loại 256GB, màu vàng (Gold); 01 sim điện thoại thuê bao 0396596606 và 5.790.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã trả lại cho chủ sở hữu bà Phạm Thị M là có căn cứ nên cần chấp nhận.

- Đối với 02 Card điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng và 12 Card mệnh giá 20.000 đồng đã đem sử dụng không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về phần dân sự của vụ án: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Văn T cho UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình bị cáo giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Về vật chứng vụ án:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX loại 256GB, màu vàng (Gold); 01 sim điện thoại thuê bao 0396596606 và 5.790.000 đồng cho bà Phạm Thị M là chủ sở hữu.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 02 Card điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng và 12 Card mệnh giá 20.000 đồng đã sử dụng không còn giá trị.

- Về phần dân sự của vụ án: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi và ngĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc Kt1- TANDTC
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- T.H.A.H.S CA huyện Ea Kar;
- CQ CSĐT CA huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Long